TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Pc

Bản án số:**50**/2020/DS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Phi

Ông Nguyễn Thế Quyết

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**. Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Thanh Hải, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng theo giấy ủy quyền số 3964/2018/GUQ-PL ngày 10.12.2018. Ông Hải ủy quyền lại cho ông Lê Văn P, chức vụ: Phó phòng giao dịch Liên Chiểu, địa chỉ: Số 695 đường Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo giấy ủy quyền số 108/2019/UQ-CNĐN ngày 05.12.2019 (ông P có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Ngô Văn M,** sinh năm 1991. Địa chỉ: K340/27 đường T, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn P trình bày:

Ngày 09.8.2017, ông Ngô Văn M có ký với ngân hàng TMCP S (gọi tắt là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 17.000.000đ. Trong quá trình sử dụng

thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.450.000đ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01.6.2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29.9.2020 ông Ngô Văn M còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc là 13.830.716 đồng, lãi quá hạn là 12.667.536đ, tổng cộng số tiền là 26.498.252đ. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông M có trách nhiêm thanh toán, tuy nhiên ông M vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Vì vậy, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn M phải trả dứt điểm số tiền còn nợ là 26.498.252đ, trong đó nợ gốc là 13.830.716đ, lãi là 12.667.536đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP S khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" đối với ông Ngô Văn M, Địa chỉ: K340/27 đường T, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ngày 29.5.2020 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Ngô Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn P cho rằng ngày 09.8.2017 ngân hàng TMCP S đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức tối đa là 15.000.000đ cho ông Ngô Văn M, quá trình giao dich sử dụng thẻ đến ngày 01.6.2018 ông M còn nợ Ngân hàng 13.830.716đ (tiền gốc và lãi phát sinh). Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày 01.6.2018 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn nên yêu cầu Tòa án buộc ông M thanh toán tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 26.498.252đ, trong đó nợ gốc là 13.830.716đ, lãi là 12.667.536đ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Ngày 09.8.2017, ông Ngô Văn M có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ *(với mục đích tiêu dùng cá nhân)*, lãi suất 2.15%/tháng trên số tiền giao dịch. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 17.000.000đ, ông M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.405.000đ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, ngày 01.6.2018 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với Điều 2 và Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền gốc là 13.830.716 đồng và tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01.6.2018 đến ngày 29.9.2020 là 12.667.536đ, tổng cộng 26.498.252đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.324.912đ (26.498.252đ x 5%), theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử :

1. Buộc ông Ngô Văn M phải có nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng TMCP S số tiền 26.498.252đ *(hai mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi hai đồng)*, trong đó, tiền gốc là 13.830.716đ và tiền lãi quá hạn là 12.667.536đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn M phải chịu 1.324.912đ *(một triệu, ba trăm hai mươi tư ngàn, chín trăm mười hai đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 551.318đ (năm trăm năm mươi mốt ngàn ba trăm mười tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002002, ngày 28.5.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử sơ thẩm tại nơi cư trú./.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu câù thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HOÀNG VŨ